TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K-TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**19**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Triết.
2. Bà Võ Thị Cảnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 13/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GĐ) thụ lý số: 147/ 2023/ TLST-HNGĐ ngày 12/7/2023 về việc: ***"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Ái N, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Anh H và chị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn anh Hoàng Văn H trình bày: Anh và chị N qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Quá trình chung sống, trong một thời gian ngắn giữa anh và chị N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không tin tưởng lẫn nhau nên hay xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Anh và chị N đã không còn chung sống với nhau được hơn 07 năm nay rồi, không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh và chị N được ly hôn với nhau.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung tên Hoàng Ái PH, sinh ngày 05/6/2012. Hiện con chung đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng, nên sau khi ly hôn, anh H có nguyện vọng giao con chung cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng

cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động. Anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị N không có tài sản chung và nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/7/2023, bị đơn chị Đỗ Thị Ái N trình bày: Anh H yêu cầu xin ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Hoàng Ái PH, sinh ngày 05/6/2012, chị muốn được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành, có khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Trích lục kết hôn mang tên Hoàng Văn H và Đỗ Thị Ái N (bản sao); 01 Căn cước công dân mang tên Hoàng Văn H (bản pho to); 01 Giấy khai sinh mang tên Hoàng Ái PH (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Hoàng Văn Tùng (bản sao).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh H và chị N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 14/5/2013; anh H và chị N có 01 con chung tên Hoàng Ái PH, sinh ngày 05/6/2012. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do anh H giao nộp là Trích lục kết hôn mang tên Hoàng Văn H và Đỗ Thị Ái N (bản sao); 01 Giấy khai sinh mang tên Hoàng Ái PH (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Hoàng Văn H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* giữa anh và chị Đỗ Thị Ái N đang sinh sống tại thôn 3, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Văn H và bị đơn chị Đỗ Thị Ái N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt, cả hai đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn H và chị Đỗ Thị Ái N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai theo đúng trình tự được pháp luật quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Văn H:

Anh H và chị N đều trình bày, trong quá trình chung sống giữa anh, chị đã phát sinh nhiều mẫu thuẫn do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm gì đến nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị N cũng đồng ý ly hôn với anh H vì vợ chồng anh, chị không còn tình cảm với nhau. Anh H và chị N đã không còn chung sống với nhau trong một thời gian dài, từ năm 2016 cho đến nay, hiện nay

anh, chị đều có cuộc sống riêng và không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật HN&GĐ năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn H, xử cho anh H được ly hôn với chị N.

[5] Về con chung: Anh Hoàng Văn H và chị Đỗ Thị Ái N có 01 con chung tên Hoàng Ái PH, sinh ngày 05/6/2012, hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, có khả năng lao động và anh H cũng đồng ý giao con chung cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của hai đương sự là phù hợp, đúng pháp luật, nên xét cần giao con chung tên Hoàng Ái PH, sinh ngày 05/6/2012 cho chị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng Văn H và chị Đỗ Thị Ái N không có tài sản chung và nợ chung, anh H và chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn anh Hoàng Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn H được ly hôn với chị Đỗ Thị Ái N.

[2] Về con chung: Giao cháu Hoàng Ái PH, sinh ngày 05/6/2012 cho chị Đỗ Thị Ái N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động và tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và N vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Anh Hoàng Văn H phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003932 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lành